

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2017/HSST

Ngày: 07-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Thiệp

2. Bà Nguyễn Kim Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kê - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2017/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thanh T, (tên gọi khác T Bù Kẹp) sinh năm: 1981 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Minh C, xã M, huyện U, tỉnh K; chỗ ở hiện nay: Khóm 1, thị trấn C, huyện P tỉnh C; nghề nghiệp: Lao động tự do không có nghề nghiệp ổn định; trình độ học vấn: 01/12; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D; bị cáo có vợ và ba con; tiền án: Không có tiền án; bị cáo có 03 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21 tháng 3 năm 2017 sau đó chuyển tạm giam đến nay; (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Ngọc T1, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện P, tỉnh C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 20 tháng 3 năm 2017, Đoàn Biên phòng C đang làm nhiệm vụ tại khóm 1, thị trấn C, huyện P thì phát hiện tại phòng trọ số 12 do Nguyễn

Thanh T thuê thuộc nhà trọ của bà Lê Thị Ngọc D làm chủ có dấu hiệu mua bán trái phép chất ma túy nên tổ chức theo dõi. Quá trình theo dõi phát hiện Trần Ngọc T1 và Trần Văn H từ phòng trọ của T đi ra, còn Thạch Huy thì ở ngoài đợi T1 nên Tổ công tác yêu cầu kiểm tra, lúc này H bỏ chạy không kiểm tra được. Qua kiểm tra phát hiện và thu giữ trên người T1 02 bịch nylon bên trong có chứa chất rắn tinh thể màu trắng đục và 01 điện thoại di động hiệu Nokia model 1280. Tổ công tác tiến hành kiểm tra trong phòng trọ của T đã phát hiện, thu giữ và niêm phong các vật chứng sau:

- 02 bịch nylon bên trong đựng nhiều cục dạng tinh thể rắn màu trắng đục (nghĩ là ma túy);

- 13 bịch nylon còn chứa nhiều hạt li ti tinh thể rắn màu trắng;

- 01 điện thoại di động hiệu Xphone màu đen loại bàn phím model: X6516 có số Imel 1: 352246072930905; số Imel 2: 352246072930913 lắp 02 sim: sim 1: không rõ số thuê bao, số sê ri: 8984048701030445227; sim 2: số thuê bao 0917940259, số sê ri: 89840200021630722483;

- 01 điện thoại di động hiệu Mobile, model Lv cute màu đen loại bàn phím; số Imel: 840000770000853, bên trong lắp 01 sim không rõ số thuê bao số sê ri: 898402000021622567086. Điện thoại đã hư hỏng không sử dụng được;

- 02 cái nỏ dùng để sử dụng ma túy đã qua sử dụng;

- 01 cái kéo đã qua sử dụng;

- 01 hột quẹt (bật lửa) đã qua sử dụng;

- 01 gấp bằng kim loại;

- 02 dụng cụ dùng để đốt ma túy đá (thường gọi là tim).

Đối với vật chứng của vụ án là 04 bịch nylon bên trong đựng nhiều cục dạng tinh thể màu trắng đục đã thu giữ trên người của Trần Ngọc T1 và thu giữ trong phòng trọ của Nguyễn Thanh T, Đoàn Biên phòng Cái Đôi Vàm đã quyết định trưng cầu giám định tại Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang. Tại bản kết luận giám định pháp y về hóa pháp số: 155/KL-PY ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận: Mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng đục có tổng trọng lượng 0,2198 gam chứa thành phần Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh T, Trần Ngọc T1 và Trần Văn H đều khai nhận: Vào chiều ngày 19 tháng 3 năm 2017, T mua ma túy của người tên Tèo (không xác định địa chỉ) với số tiền 1.000.000 đồng tại trước phòng trọ số 12 thuộc nhà trọ của bà Lê Thị Ngọc D, sau đó đem về phòng chia ra thành 05 bịch nylon. Sau đó bán lại cho H và T1 tại phòng trọ của T thì bị phát hiện, bắt giữ như đã nêu trên (04 bịch đã thu giữ, còn 01 bịch bán cho H, H đã quăng bỏ trên đường tẩu thoát, không thu được).

Quá trình điều tra còn chứng minh Nguyễn Thanh T còn bán ma túy cho Trần Ngọc T1 02 lần. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 17 giờ ngày 15 tháng 3 năm 2017, T mua ma túy của một người thanh niên (nhưng không biết tên và địa chỉ) tại quán cà phê Cây Xanh thuộc khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân với số tiền 500.000 đồng đem về nhà của chị Nguyễn Thị P thuộc khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân cất giấu. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T bán 01 bạch ma túy cho Trần Ngọc T1 trước nhà của chị P với số tiền 200.000 đồng nhưng không xác định được trọng lượng.

- Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 16 tháng 3 năm 2017, T tiếp tục bán 01 bạch ma túy cho Trần Ngọc T1 cũng trước nhà của chị Nguyễn Thị P với số tiền 300.000 đồng nhưng không xác định được trọng lượng.

Tại bản cáo trạng số 14/KSĐT-TA ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố Nguyễn Thanh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo Nguyễn Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh T khai nhận: bị cáo có mua ma túy của một người thanh niên lạ mặt và của một người tên Tèo (không biết rõ họ tên và địa chỉ) sau đó chia nhỏ ra bán cho Trần Ngọc T1 03 lần. Lần thứ nhất vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 bị cáo bán cho T1 một bạch ma túy với số tiền 200.000đ; lần thứ hai vào ngày 16 tháng 3 năm 2017 bị cáo bán một bạch ma túy cho T1 với số tiền 300.000đ, T1 mới trả cho bị cáo 50.000đ còn thiếu lại 250.000đ; lần thứ ba vào ngày 20 tháng 3 năm 2017 bị cáo bán cho T1 hai bạch ma túy với số tiền 600.000đ và bán cho Trần Văn H một bạch ma túy với số tiền 150.000đ thì bị bắt quả tang.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người làm chứng, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 20 tháng 3 năm 2017 và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Thanh T có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Trần Ngọc T1 ba lần cụ thể vào các ngày 15, 16 và 20 tháng 3 năm 2017 bán cho T1 và H thì bị bắt quả tang. Theo kết quả giám định số ma túy mà bị cáo bán cho T1 thu giữ được có tổng trọng lượng 0,2198 gam chứa thành phần Methamphetamine. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo biết rõ ma túy là chất gây nghiện, gây tạo cảm giác ảo đối với hệ thần kinh của con

người, đồng thời bị cáo cũng biết nhà nước nghiêm cấm hành vi mua bán, nhưng bị cáo vẫn cố tình mua bán nhiều lần với mục đích tư lợi nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng số 14/KSĐT-TA ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm phạm an ninh trật tự xã hội, xâm phạm sức khỏe và sự phát triển bình thường của con người; bị cáo nhận thức và biết được tác hại của ma túy nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có một mức án nghiêm khắc đối với bị cáo để bị cáo lao động, học tập trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình bán trái phép chất ma túy bị cáo đã thu lợi bất chính từ T1 và H tổng số tiền 1.000.000đ nên buộc bị cáo phải nộp sung công quỹ Nhà nước.

- Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Xphone màu đen loại bàn phím model: X6516 có số Imel 1: 352246072930905; số Imel 2: 352246072930913 lắp 02 sim: sim 1: không rõ số thuê bao số sê ri: 8984048701030445227, sim 2: số thuê bao 0917940259, số sê ri: 89840200021630722483; 02 cái nỏ dùng để sử dụng ma túy đã qua sử dụng; 01 cái kéo đã qua sử dụng; 01 hột quẹt (bật lửa) đã qua sử dụng; 01 gấp bằng kim loại; 02 dụng cụ dùng để đốt ma túy đá (thường gọi là tim); 13 bịch nilon; 01 phong bì bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng đục có tổng trọng lượng 0,2198 gram chứa thành phần Methamphetamine và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, Model 1280 có số sê ri: 355352101156956. Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xphone màu đen loại bàn phím model: X6516 có số Imel 1: 352246072930905; số Imel 2: 352246072930913 lắp 02 sim: sim 1: không rõ số thuê bao, số sê ri: 8984048701030445227, sim 2: số thuê bao 0917940259, số sê ri: 89840200021630722483 và điện thoại di động hiệu Nokia, Model 1280 có số sê ri: 355352101156956 trong quá trình phạm tội bị cáo T và T1 điện thoại liên lạc với nhau để mua bán ma túy nên có liên quan đến việc phạm tội và còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với 02 cái nỏ dùng để sử dụng ma túy đã qua sử dụng; 01 cái kéo đã qua sử dụng; 01 hột quẹt (bật lửa) đã qua sử dụng; 01 gấp bằng kim loại; 02 dụng cụ dùng để đốt ma túy đá (thường gọi là tim); 13 bịch nilon; 01 phong bì bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng đục có tổng trọng lượng

0,2198 gram chứa thành phần Methamphetamine không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với người tên Tèo người bán ma túy cho T, do không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên hiện tại không xác minh được nên tách ra giao cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ xử lý sau.

Đối với Trần Ngọc T1, Trần Văn H và Thạch Huy có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Đoàn Biên phòng Cái Đôi Vàm đã ra quyết định xử phạt hành chính là đúng với quy định của pháp luật nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh T** (T Bù Kẹp) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Áp dụng: Điểm b, khoản 2, Điều 194; điểm p khoản 1, Điều 46 của Bộ luật hình sự.

***Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Thanh T** (T Bù Kẹp) 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính ngày 21 tháng 3 năm 2017.

- Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự và Điều 76 bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T nộp tiền thu lợi bất chính là 1.000.000đ (một triệu đồng).

Tịch thu sung công hủy nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xphone màu đen loại bàn phím model: X6516 có số Imel 1: 352246072930905; số Imel 2: 352246072930913 lắp 02 sim: sim 1: không rõ số thuê bao, số sê ri: 8984048701030445227, sim 2: số thuê bao 0917940259, số sê ri: 89840200021630722483 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, Model 1280 có số sê ri: 355352101156956 .

Tịch thu tiêu hủy: 02 cái nỏ dùng để sử dụng ma túy đã qua sử dụng; 01 cái kéo đã qua sử dụng; 01 hột quạt (bật lửa) đã qua sử dụng; 01 gấp bằng kim loại; 02 dụng cụ dùng để đốt ma túy đá (thường gọi là tim); 13 bịch nilon; 01 phong bì bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng đục có tổng trọng lượng 0,2198 gram chứa thành phần Methamphetamine.

Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án huyện Phú Tân quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKS ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa Công an huyện Phú Tân và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Ngọc T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Công an huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Bị cáo (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều